

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VN
BAN ỨNG DỤNG
VÀ TRIỂN KHAI CÔNG NGHỆ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 6 tháng 7 năm 2016

Số: 55 /CV-UDTKCN
V/v góp ý Quy chế quản lý hoạt
động Sở hữu trí tuệ tại Viện Hàn lâm

Kính gửi: Các đơn vị trực thuộc

Được sự cho phép của Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam, Ban Ứng dụng và Triển khai công nghệ triển khai nhiệm vụ “Xây dựng và vận hành tổ chức quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ trong Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam” với mục tiêu nâng cao hiệu quả hoạt động sở hữu trí tuệ của Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam nhằm khuyến khích các hoạt động sáng tạo; bảo hộ và khai thác hiệu quả kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ phục vụ phát triển kinh tế xã hội của đất nước. Trên cơ sở Luật Sở hữu trí tuệ, chức năng nhiệm vụ của Viện Hàn lâm đã quy định trong Nghị định 108/NĐ-CP ngày 25/12/2012 của Thủ tướng Chính phủ, trong khuôn khổ Dự án, Ban Ứng dụng và Triển khai công nghệ xây dựng “Quy chế quản lý hoạt động Sở hữu trí tuệ tại Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam”.

Ban Ứng dụng và Triển khai công nghệ gửi tới các đơn vị lấy ý kiến đóng góp nhằm từng bước hoàn thiện các quy định về sở hữu trí tuệ của Viện Hàn lâm. Đề nghị các đơn vị cho ý kiến bằng văn bản gửi về Ban Ứng dụng và Triển khai công nghệ trước ngày 13/7/2016 và Ban dự kiến tổ chức Hội thảo lấy ý kiến từ ngày 13-15/7/2016 tại Hà Nội.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, Ban UDTKCN. BH

TRƯỞNG BAN

Nguyễn Hoài Châu

Scanned by CamScanner

07.07.2016
Chuyên:
- anh Tuấn
(thông báo lý ý
khoa học (VTC)
Đại biểu qua thực
tế Điều 3-8.
nguyễn

QUY CHẾ QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG SỞ HỮU TRÍ TUỆ TẠI VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

(Chương này bao gồm các quy định về việc xác định các dạng tài sản trí tuệ có liên quan, phạm vi đối tượng áp dụng tại Viện)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định về quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ tại Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam.
2. Quy chế này áp dụng đối với các đơn vị trực thuộc, các nhà khoa học, cán bộ, viên chức, nhân viên, và các tổ chức, cá nhân khác có hoạt động đào tạo, nghiên cứu tại Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Tài sản trí tuệ là các sản phẩm của hoạt động sáng tạo trí tuệ cũng như hoạt động đầu tư, thương mại phát sinh tại Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam.
2. Quyền sở hữu trí tuệ là quyền của tổ chức, cá nhân đối với tài sản trí tuệ, bao gồm quyền tác giả và quyền liên quan đến quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp và quyền đối với giống cây trồng.
3. Quyền tác giả là quyền của tổ chức, cá nhân đối với tác phẩm do mình sáng tạo ra hoặc sở hữu.
4. Quyền liên quan đến quyền tác giả (sau đây gọi là quyền liên quan) là quyền của tổ chức, cá nhân đối với cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng, tín hiệu vệ tinh mang chương trình được mã hóa.
5. Quyền sở hữu công nghiệp là quyền của tổ chức, cá nhân đối với sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, nhãn hiệu, tên thương mại, chỉ dẫn địa lý, bí mật kinh doanh do mình sáng tạo ra hoặc sở hữu và quyền chống cạnh tranh không lành mạnh.
6. Quyền đối với giống cây trồng là quyền của tổ chức, cá nhân đối với giống cây trồng mới do mình chọn tạo hoặc phát hiện và phát triển hoặc được hưởng quyền sở hữu.

7. Chủ thể quyền sở hữu trí tuệ là chủ sở hữu quyền sở hữu trí tuệ hoặc tổ chức, cá nhân được chủ sở hữu chuyển giao quyền sở hữu trí tuệ.
8. Tác phẩm là sản phẩm sáng tạo trong lĩnh vực văn học, nghệ thuật và khoa học thể hiện bằng bất kỳ phương tiện hay hình thức nào.
9. Tác phẩm phái sinh là tác phẩm dịch từ ngôn ngữ này sang ngôn ngữ khác, tác phẩm phóng tác, cải biên, chuyển thể, biên soạn, chú giải, tuyển chọn.
10. Sáng chế là giải pháp kỹ thuật dưới dạng sản phẩm hoặc quy trình nhằm giải quyết một vấn đề xác định bằng việc ứng dụng các quy luật tự nhiên.
11. Kiểu dáng công nghiệp là hình dáng bên ngoài của sản phẩm được thể hiện bằng hình khối, đường nét, màu sắc hoặc sự kết hợp những yếu tố này.
12. Mạch tích hợp bán dẫn là sản phẩm dưới dạng thành phẩm hoặc bán thành phẩm, trong đó các phần tử với ít nhất một phần tử tích cực và một số hoặc tất cả các mối liên kết được gắn liền bên trong hoặc bên trên tấm vật liệu bán dẫn nhằm thực hiện chức năng điện tử. Mạch tích hợp đồng nghĩa với IC, chip và mạch vi điện tử.
13. Thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn (sau đây gọi là thiết kế bố trí) là cấu trúc không gian của các phần tử mạch và mối liên kết các phần tử đó trong mạch tích hợp bán dẫn.
14. Nhãn hiệu là dấu hiệu dùng để phân biệt hàng hoá, dịch vụ của các tổ chức, cá nhân khác nhau.
15. Bí mật kinh doanh là thông tin thu được từ hoạt động đầu tư tài chính, trí tuệ, chưa được bộc lộ và có khả năng sử dụng trong kinh doanh.
16. Giống cây trồng là quần thể cây trồng thuộc cùng một cấp phân loại thực vật thấp nhất, đồng nhất về hình thái, ổn định qua các chu kỳ nhân giống, có thể nhận biết được bằng sự biểu hiện các tính trạng do kiểu gen hoặc sự phối hợp của các kiểu gen quy định và phân biệt được với bất kỳ quần thể cây trồng nào khác bằng sự biểu hiện của ít nhất một tính trạng có khả năng di truyền được.
19. Cán bộ, công chức, viên chức và nhân viên thời vụ là những người đang làm việc cho Viện Hàn lâm dưới dạng các hợp đồng lao động bao gồm cả nghiên cứu sinh.
20. Bộ phận Quản lý chung hoạt động sở hữu trí tuệ là bộ phận đầu mối quản lý chung các hoạt động sở hữu trí tuệ tại Việt Hàn lâm.
21. Bộ phận Chuyên trách quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ là bộ phận đầu mối của các đơn vị trực thuộc, đơn vị thành viên thực hiện việc quản lý các hoạt động sở hữu trí tuệ tại đơn vị mình.

CHƯƠNG II

QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ

(Chương này bao gồm các quy định về việc xác định quyền sở hữu tài sản trí tuệ của các đối tượng tại Viện ví dụ như Viện, các đơn vị trực thuộc, người nghiên cứu, người tham gia hỗ trợ, các tổ chức hợp tác nghiên cứu, các tổ chức cung cấp kinh phí cho Viện Hàn lâm để nghiên cứu...)

Điều 3. Viện Hàn lâm là chủ sở hữu đối với các tài sản trí tuệ sau đây

1. Được tạo ra bởi cán bộ, công chức, viên chức hoặc nhân viên thời vụ theo yêu cầu của công việc hoặc nhiệm vụ được giao, được quy định chi tiết ví dụ trong bản mô tả công việc hay trong hợp đồng lao động.
2. Được tạo ra hoặc phát sinh trong quá trình thực hiện các hợp đồng do Viện Hàn lâm, các đơn vị thành viên, đơn vị trực thuộc ký kết với các tổ chức, cá nhân trong hoặc ngoài Viện Hàn lâm, trừ khi hợp đồng liên quan có quy định khác.
3. Được tạo ra từ các đề tài, dự án KH&CN mà kinh phí được cấp từ nguồn ngân sách Nhà nước và Viện Hàn lâm được chỉ định, phân cấp hoặc chuyển giao cho đứng tên làm Cơ quan chủ trì hay chủ quản trong đề tài hoặc dự án.
4. Được các tổ chức, cá nhân chuyển nhượng hoặc biếu, tặng cho Viện Hàn lâm.
5. Nhãn hiệu của các đơn vị trực thuộc.

Điều 4. Viện Hàn lâm là đồng sở hữu (với một hoặc nhiều chủ thể khác) đối với các tài sản trí tuệ sau đây

1. Được tạo ra bởi cán bộ, công chức, viên chức hoặc nhân viên thời vụ (theo yêu cầu của công việc) không được quy định cụ thể trong hợp đồng lao động, nhưng sử dụng chủ yếu nguồn lực của Viện Hàn lâm, các đơn vị trực thuộc, đơn vị thành viên trong việc tạo ra tài sản trí tuệ.
2. Được tạo ra bởi cán bộ, công chức, viên chức hoặc nhân viên thời vụ không theo nhiệm vụ được giao và không sử dụng nguồn lực của Viện Hàn lâm, nhưng xuất phát từ một hoặc một số tài sản trí tuệ thuộc danh mục thông tin mật hay bí mật kinh doanh, mà cán bộ nhân viên chức hoặc nhân viên thời vụ đó đã được tiếp cận một cách hợp pháp.
3. Được tạo ra hoặc phát sinh trong quá trình hợp tác nghiên cứu, hợp tác đầu tư, hợp tác kinh doanh với các đối tác khác, trừ khi hợp đồng liên quan có quy định khác.
4. Được tạo ra hoặc phát sinh trong quá trình thực hiện các hợp đồng tài trợ. Trong đó, Viện Hàn lâm là bên tài trợ hoặc bên nhận tài trợ, trừ khi hợp đồng liên quan có quy định khác.

5. Phương thức xác định tỷ lệ sở hữu trong từng trường hợp thuộc Điều 6 sẽ do các bên có liên quan quy định cụ thể bằng văn bản hoặc trong hợp đồng giao kết tương ứng, dựa theo tỷ lệ đóng góp của mỗi bên về nhân lực, vật lực, tài lực hoặc thông tin trên cơ sở hợp tác bền vững và các bên cùng có lợi.

6. Trong trường hợp một đồng chủ sở hữu với Viện Hàn lâm có nhu cầu chuyển nhượng phần quyền sở hữu của mình, chủ sở hữu của phần quyền muốn chuyển nhượng đó sẽ ưu tiên chuyển nhượng cho các đồng chủ sở hữu khác theo các điều kiện thương mại hợp lý.

Điều 5. Nhãn hiệu hàng hóa, dịch vụ và tên sản phẩm của Viện Hàn lâm

Nhãn hiệu hàng hóa, dịch vụ bắt buộc phải có các thành phần:

a. Logo của Viện Hàn lâm (hoặc các đơn vị trực thuộc): Phải thiết kế đúng chuẩn logo về các đường viền, màu sắc và nội dung trên logo.

b. Phần nội dung nhãn hiệu:

- Tên viết tắt tiếng Anh của Viện Hàn lâm (hoặc các đơn vị trực thuộc)/dấu cách/tên sản phẩm hoặc dịch vụ.

- Hình họa hoặc ký hiệu cho loại sản phẩm.

- Tên viết tắt đơn vị tạo ra sản phẩm.

- Màu nền, màu chữ, kiểu chữ tùy tác giả sản phẩm chọn.

Điều 6. Viện Hàn lâm không phải là chủ sở hữu hoặc đồng chủ sở hữu đối với các tài sản trí tuệ sau đây

1. Được tạo ra bởi cán bộ, công chức, viên chức hoặc nhân viên thời vụ không theo nhiệm vụ được giao, không sử dụng nguồn lực của Viện Hàn lâm, không xuất phát từ một hoặc một số tài sản trí tuệ thuộc danh mục Thông tin mật hay bí mật kinh doanh của Viện Hàn lâm nhưng có giá trị ứng dụng vào các mặt hoạt động của Viện Hàn lâm.

2. Được tạo ra bởi cán bộ, công chức, viên chức trong quá trình tham gia các hoạt động của đoàn thể nhằm phục vụ các sinh hoạt của cộng đồng hoặc nhân viên thời vụ không theo nhiệm vụ được giao, không sử dụng nguồn lực của Viện Hàn lâm và không sử dụng thông tin mật hay bí mật kinh doanh của thuộc quyền sở hữu của Viện Hàn lâm.

3. Được tạo ra hoặc phát sinh trong quá trình triển khai các hợp đồng ký kết giữa Viện Hàn lâm với một hoặc một số đối tác khác trong đó có quy định các tài sản trí tuệ phát sinh là thuộc về bên đối tác.

Điều 7. Quyền sở hữu trí tuệ của cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên thời vụ

1. Cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên thời vụ là chủ sở hữu hoặc đồng sở hữu hoặc không sở hữu đối với các tài sản trí tuệ được tạo ra tùy thuộc vào các điều kiện tại Điều 3,4,5 Quy chế này.
2. Cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên thời vụ sẽ được hưởng quyền nhân thân đối với tài sản trí tuệ mà mình tạo ra.
3. Các tài sản trí tuệ phát sinh trong quá trình nghiên cứu của nghiên cứu sinh được thể hiện qua luận văn, sáng chế ... Trừ các trường hợp do người hướng dẫn đầu tư kinh phí để thực hiện ý tưởng nghiên cứu của người hướng dẫn sẽ xem xét cụ thể.
4. Trong trường hợp các tài sản trí tuệ của quá trình học tập, nghiên cứu được tạo ra chủ yếu thông qua việc sử dụng các nguồn lực của Viện Hàn lâm hoặc có sự đầu tư của Viện Hàn lâm về kinh phí, hoặc có sự đầu tư hay hỗ trợ đáng kể của người hướng dẫn, thì Viện Hàn lâm, người hướng dẫn và nghiên cứu sinh sẽ cùng xác định quyền sở hữu đối với tài sản trí tuệ phát sinh bằng văn bản.
5. Trường hợp các công ty đầu tư cho nghiên cứu của nghiên cứu sinh và có các hợp đồng hay thỏa thuận trong khuôn khổ pháp luật thì sẽ căn cứ theo hợp đồng để xác định quyền sở hữu.

Điều 8. Các quy định về tác giả và đồng tác giả

1. Một cá nhân được ghi nhận là tác giả hoặc đồng tác giả của một tài sản trí tuệ nếu có tham gia vào việc sáng tạo ra tài sản trí tuệ tương ứng. Được xem là có tham gia vào việc sáng tạo khi phần việc do người đó thực hiện không nảy sinh một cách hiển nhiên hoặc dễ dàng đối với các thành viên tham gia thực hiện đề tài, dự án, công trình, khâu công việc mà từ đó tài sản trí tuệ liên quan được tạo ra.
2. Các tác giả hoặc đồng tác giả của tài sản trí tuệ được hưởng các quyền nhân thân theo quy định tương ứng của Luật sở hữu trí tuệ, pháp luật dân sự hay pháp luật có liên quan trừ khi có quy định phải chuyển giao một quyền nhân thân nào đó cho các chủ thể khác theo các quy định tại Quy chế này hoặc theo hợp đồng liên quan mà họ đã giao kết, trong phạm vi pháp luật cho phép.

CHƯƠNG III

BẢO MẬT, BỘC LỘ VÀ XÁC LẬP QUYỀN SỞ HỮU TÀI SẢN TRÍ TUỆ

(Chương này bao gồm các quy định về việc bảo mật, bộc lộ thông tin để đảm bảo quyền lợi của tất cả các bên có liên quan từ khi nghiên cứu đến khi công bố kết quả)

Điều 9. Công bố kết quả nghiên cứu

1. Việc công bố tài sản trí tuệ thực hiện theo nguyên tắc không làm ảnh hưởng đến khả năng thương mại tài sản trí tuệ của chủ sở hữu.
2. Quyền công bố tài sản trí tuệ thuộc về các đơn vị chủ sở hữu, trừ trường hợp các bên tham gia đóng góp nguồn lực có thỏa thuận khác. Đối với tài sản trí tuệ là kết quả của các công trình nghiên cứu khoa học do Viện Hàn lâm phân cấp là cơ quan chủ trì hoặc chủ quản, quyền công bố thuộc về Viện Hàn lâm.
3. Trường hợp Viện Hàn lâm hoặc đơn vị chủ sở hữu không thực hiện việc công bố trong một thời gian hợp lý do Viện Hàn lâm hoặc đơn vị chủ sở hữu quy định mà không có lý do thỏa đáng thì quyền công bố thuộc về tác giả tạo ra tài sản trí tuệ.
4. Trong trường hợp Viện Hàn lâm hoặc một số chủ thể khác là đồng chủ sở hữu đối với tác phẩm, các đồng chủ sở hữu sẽ cùng thỏa thuận cụ thể về cách thức phân định quyền sở hữu đối với từng loại quyền tài sản cũng như việc tiếp nhận và sử dụng quyền công bố tác phẩm tương ứng do tác giả, đồng tác giả liên quan chuyển giao.
5. Trong trường hợp tài sản trí tuệ do cán bộ, công chức, viên chức hoặc nhân viên thời vụ tạo ra là một tác phẩm phái sinh từ các tác phẩm thuộc sở hữu của Viện Hàn lâm và không thuộc trường hợp không phải xin phép trước chủ sở hữu tác phẩm gốc theo quy định của pháp luật; các tác giả và đồng tác giả phải thông báo cho Viện Hàn lâm về việc xuất hiện tác phẩm phái sinh này và phải nhận được sự đồng ý của Viện Hàn lâm bằng văn bản trước khi công bố và khẳng định quyền sở hữu của họ đối với tác phẩm phái sinh đó.
6. Đối với các bài báo khoa học được xác định thuộc quyền sở hữu của Viện Hàn lâm, các tác giả và đồng tác giả có thể chủ động đề xuất việc công bố trên các tạp chí nhưng phải nhận được sự chấp thuận bằng văn bản của Viện Hàn lâm.
7. Đối với các bài báo khoa học do cán bộ, công chức, viên chức được phép sử dụng thời gian làm việc tại Viện và phương tiện vật chất của Viện để soạn thảo thì khi công bố phải ghi rõ địa chỉ công tác là Viện Hàn lâm.

Điều 10. Đánh giá và xác lập quyền sở hữu tài sản trí tuệ

1. Các tổ chức, cá nhân có trách nhiệm phát hiện, thông báo hoặc đăng ký cho bộ phận chuyên trách các đối tượng quyền sở hữu trí tuệ phát sinh trong quá trình thực hiện

hoạt động nghiên cứu, đào tạo.

2. Hàng năm bộ phận chuyên trách phải đánh giá, phân loại, phát hiện, ghi nhận để bổ sung nguồn tài sản trí tuệ của đơn vị. Có biện pháp hỗ trợ để hạn chế và tránh thất thoát tài sản trí tuệ của đơn vị.

3. Bộ phận chuyên trách quản lý hoạt động sở hữu là đầu mối tổ chức và thực hiện việc xác lập quyền sở hữu trí tuệ đối với tất cả các tài sản trí tuệ của đơn vị, kể cả tài sản trí tuệ được xác định thuộc quyền của nhiều chủ sở hữu.

4. Đối với tài sản trí tuệ tự xác lập quyền sở hữu (bí mật kinh doanh, tác phẩm, bản ghi âm, bản ghi hình và các đối tượng khác) khi đáp ứng các điều kiện luật định, bộ phận chuyên trách quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ tiến hành lưu trữ và bảo vệ các chứng cứ về việc phát sinh quyền sở hữu trí tuệ đối với các tài sản trí tuệ này.

5. Đối với tài sản trí tuệ (phát minh, sáng chế, giống cây trồng và các đối tượng khác) phải xác lập quyền sở hữu theo cơ chế đăng ký tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền, hoặc đối với tài sản trí tuệ (tác phẩm, bản ghi âm, bản ghi hình và các đối tượng khác) có thể đăng ký để giảm thiểu nghĩa vụ chứng minh quyền, bộ phận chuyên trách quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ của đơn vị tiến hành thực hiện việc đăng ký theo quy định của pháp luật sở hữu trí tuệ.

6. Chi phí xác lập quyền sở hữu trí tuệ do Viện Hàn lâm và đơn vị chi trả. Chi phí duy trì và bảo hộ do các bên chủ sở hữu và tác giả chi trả theo thỏa thuận. Kinh phí thực hiện xác lập quyền sở hữu trí tuệ và phí duy trì được hạch toán trong kinh phí hoạt động khoa học và công nghệ hàng năm của đơn vị.

CHƯƠNG IV

KHAI THÁC THƯƠNG MẠI VÀ PHÂN BỐ LỢI ÍCH

(Chương này bao gồm các quy định về việc quản lý hoạt động thương mại hóa tài sản trí tuệ và phân bổ lợi ích cho các đối tượng có liên quan)

Điều 11. Các hình thức khai thác tài sản trí tuệ

Việc khai thác tài sản trí tuệ bao gồm nhưng không giới hạn ở các hình thức:

- Công bố tài sản trí tuệ;
- Chuyển nhượng quyền tài sản trí tuệ cho chủ thể khác;
- Áp dụng, khai thác tài sản trí tuệ trong quy trình tác nghiệp, kinh doanh, sản xuất của Viện Hàn lâm;
- Sử dụng quyền sở hữu trí tuệ để góp vốn, liên doanh, liên kết;
- Cấp văn bằng cho các đối tượng có nhu cầu;
- Chuyển giao công nghệ;
- Chuyển nhượng, cho, tặng.

Điều 12. Quyền và nghĩa vụ về khai thác tài sản trí tuệ của cán bộ, công chức, viên chức và nhân viên thời vụ

1. Có quyền tiếp cận, sử dụng các tài sản trí tuệ của Viện Hàn lâm khi thực hiện nhiệm vụ được giao của Viện.
2. Có quyền được hưởng các lợi ích phù hợp từ việc khai thác tài sản trí tuệ của Viện Hàn lâm mà mình là tác giả hoặc đồng tác giả. Tùy theo từng trường hợp mà có thỏa thuận riêng với Viện Hàn lâm.
3. Trong trường hợp tài sản trí tuệ do cán bộ, công chức, viên chức hoặc nhân viên thời vụ tạo ra là một sáng chế thuộc quyền sở hữu của Viện Hàn lâm, việc sử dụng và khai thác sáng chế phải nhận được sự đồng ý bằng văn bản của Viện Hàn lâm.
4. Vẫn được giữ quyền nhân thân đối với các tác phẩm, sáng chế của mình khi không còn công tác tại Viện Hàn lâm.
6. Tuyệt đối không được tiết lộ, chuyển giao các tài sản trí tuệ của Viện Hàn lâm khi chưa được sự đồng ý bằng văn bản của Viện Hàn lâm.
7. Sau khi chính thức nghỉ việc tại Viện Hàn lâm, cán bộ, công chức, viên chức và

nhân viên thời vụ không còn được hưởng thù lao từ các tài sản trí tuệ do Viện Hàn lâm sở hữu hoặc đồng sở hữu, trong đó cán bộ, công chức, viên chức hoặc nhân viên thời vụ là tác giả/đồng tác giả trừ khi giữa Viện Hàn lâm với chủ thể liên quan hoặc pháp luật có quy định khác.

Điều 13. Sự chuyển giao tài sản trí tuệ giữa Viện Hàn lâm, đơn vị thành viên, đơn vị trực thuộc với cán bộ, công chức, viên chức và nhân viên thời vụ

1. Trong trường hợp Viện Hàn lâm thông báo không xác lập hoặc từ bỏ quyền sở hữu của Viện Hàn lâm đối với một tài sản trí tuệ do cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên thời vụ tạo ra, các đơn vị trực thuộc, đơn vị thành viên, cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên thời vụ có thể yêu cầu Viện Hàn lâm chuyển nhượng miễn phí lại tài sản trí tuệ đó cho mình.
2. Viện Hàn lâm có thể yêu cầu cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên thời vụ chuyển nhượng tài sản trí tuệ cho đơn vị trực thuộc, đơn vị thành viên với điều kiện thương mại hợp lý.
3. Đơn vị trực thuộc, đơn vị thành viên, cán bộ, công chức, viên chức và nhân viên thời vụ đồng ý cấp phép sử dụng không độc quyền và vô thời hạn các tài sản trí tuệ của mình vào mục đích nghiên cứu khoa học và đào tạo nhân lực tại Viện Hàn lâm.
4. Đơn vị trực thuộc, đơn vị thành viên, cán bộ, công chức, viên chức và nhân viên thời vụ đang làm việc tại Viện Hàn lâm không chuyển giao các tài sản trí tuệ cho đối tác thứ ba nếu việc chuyển giao đó có thể ảnh hưởng đến lợi ích của Viện Hàn lâm, trừ khi có sự thỏa thuận bằng văn bản với Viện Hàn lâm hoặc pháp luật liên quan có quy định khác.

Điều 14. Phân bổ thu nhập và lợi ích từ việc khai thác các tài sản trí tuệ

1. Phân chia thu nhập từ những tài sản trí tuệ là sản phẩm của những đề tài, dự án sử dụng kinh phí của ngân sách nhà nước:

Lợi nhuận Sau khi đã trừ các chi phí cần thiết, việc hưởng thu nhập và lợi ích từ việc khai thác các tài sản trí tuệ được tính như sau:

- Tác giả/đồng tác giả: được hưởng 60 % tổng giá trị
- Tổ chức môi giới 10%
- Sau khi phân chia cho tác giả và người môi giới (nếu có) phần lợi nhuận còn lại được quy định như sau: trường hợp chuyển giao quyền sở hữu thì 50% cho đầu tư nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, 50% cho quỹ phúc lợi, khen thưởng của đơn vị

chủ trì; Trường hợp chuyển giao quyền sử dụng thì trả cho đại diện chủ sở hữu nhà nước 10%, phần còn lại dành 50% cho đầu tư nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, 50% cho quỹ phúc lợi, khen thưởng của đơn vị chủ trì

2. Tỷ lệ phân chia lợi nhuận của nhóm tác giả tương ứng với tỷ lệ đóng góp của từng tác giả mà nhóm tác giả đã tự thỏa thuận bằng văn bản.

3. Đối với các tài sản trí tuệ tạo ra từ hợp tác nghiên cứu, hợp tác đầu tư, hợp tác kinh doanh có nhiều chủ sở hữu, thu nhập hoặc lợi nhuận phát sinh sẽ được phân chia dựa theo tỷ lệ sở hữu của mỗi đồng sở hữu, trừ khi giữa các bên có thỏa thuận khác.

4. Các vấn đề khác liên quan đến việc khai thác và phân bổ lợi ích từ tài sản trí tuệ sẽ do Lãnh đạo Viện Hàn lâm quyết định theo từng trường hợp cụ thể.

CHƯƠNG V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

(Chương này bao gồm các quy định về cách thức, mô hình tổ chức hoạt động sở hữu trí tuệ)

Điều 15. Cơ cấu tổ chức quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ

1. Viện Hàn lâm thành lập Bộ phận Quản lý chung hoạt động sở hữu trí tuệ, trong đó có các bộ phận khai thác tài sản trí tuệ, bộ phận xác lập quyền sở hữu trí tuệ để phối hợp với các đơn vị trực thuộc, đơn vị thành viên quản lý toàn bộ hoạt động sở hữu trí tuệ trong Viện Hàn lâm.

2. Bộ phận Khai thác tài sản trí tuệ là đơn vị đầu mối giúp Viện Hàn lâm thực hiện các hoạt động liên quan đến việc quản lý và khai thác thương mại tài sản trí tuệ.

3. Bộ phận Xác lập quyền sở hữu trí tuệ là đơn vị đầu mối giúp Viện Hàn lâm thực hiện các hoạt động liên quan đến việc xác lập và quản lý quyền sở hữu trí tuệ.

4. Bộ phận Quản lý chung hoạt động sở hữu trí tuệ có trách nhiệm và quyền hạn sau đây:

- Hướng dẫn và phối hợp với các đơn vị thành viên, các đơn vị trực thuộc và các cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên thời vụ thực hiện việc nhận diện, ghi nhận các tài sản trí tuệ phát sinh;

- Tổ chức hoạt động ghi nhận và lưu giữ các chứng cứ liên quan đến các tài sản trí tuệ phát sinh thuộc quyền, phân loại, thống kê và xác lập quyền tài sản, quyền nhân thân tương ứng đối với các tài sản trí tuệ;

- Xác định quyền sở hữu và tác giả hoặc đồng tác giả đối với tài sản trí tuệ phát sinh;

- Phân loại tài sản trí tuệ và tiến hành các biện pháp bảo mật cần thiết;

- Xúc tiến việc xác lập quyền sở hữu trí tuệ;

- Xây dựng các quy trình, thủ tục, biểu mẫu quản lý và khai thác các tài sản trí tuệ, trình Lãnh đạo Viện ban hành để thực hiện;

- Phối hợp với các đơn vị thành viên, đơn vị trực thuộc và nhóm nghiên cứu thống nhất quy trình triển khai các hoạt động thương mại;

- Định kỳ rà soát, đánh giá, định giá các tài sản trí tuệ thuộc danh mục hiện hữu;

- Tham mưu cho Lãnh đạo Viện xây dựng các phương án quản lý và khai thác các tài sản trí tuệ có hiệu quả;

- Lập dự toán cho việc quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ theo từng năm.

5. Các đơn vị trực thuộc, đơn vị thành viên thành lập một bộ phận chuyên trách có

chức năng quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ của đơn vị và thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

- Tổ chức xây dựng và thực hiện kế hoạch quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ tại đơn vị. Định kỳ tổ chức tổng kết, đánh giá công tác quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ trong đơn vị. Đề xuất mức và hình thức khen thưởng, xử lý vi phạm;
- Xây dựng các văn bản quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ tại đơn vị;
- Xây dựng cơ chế, thủ tục và tổ chức việc khai báo, ghi nhận, quản lý tài sản trí tuệ của đơn vị;
- Thực hiện việc xác lập quyền sở hữu trí tuệ;
- Giám sát việc thực thi quyền sở hữu trí tuệ tại đơn vị;
- Tổ chức khai thác thương mại tài sản trí tuệ;
- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nội dung của Quy chế.

Điều 16. Trách nhiệm của các đơn vị trong hoạt động tổ chức thực hiện

Các đơn vị trực thuộc, đơn vị thành viên có trách nhiệm chỉ đạo tổ chức thực hiện hoạt động sở hữu trí tuệ trong đơn vị mình, cụ thể:

1. Thành lập bộ phận quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ thuộc phòng quản lý tổng hợp của đơn vị (hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm)
2. Chỉ đạo xây dựng chiến lược, chính sách và kế hoạch hoạt động sở hữu trí tuệ dài hạn, trung hạn và hàng năm.
3. Chỉ đạo các phòng ban và các bộ phận liên quan phối hợp chặt chẽ với bộ phận chuyên trách thực hiện kế hoạch hoạt động sở hữu trí tuệ hàng năm của đơn vị.
4. Đôn đốc cán bộ, công chức, viên chức và nhân viên thời vụ thực hiện các quy định của Quy chế;
5. Kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch đề ra của đơn vị.
6. Quy định tỷ lệ phân chia lợi ích thu được do khai thác thương mại tài sản trí tuệ của đơn vị phù hợp với quy định của Viện Hàn lâm và không trái với các quy định của pháp luật.
7. Quy định và giám sát việc chuyển giao quyền đăng ký, quyền khai thác thương mại tài sản trí tuệ của đơn vị.
8. Chỉ đạo xây dựng các biện pháp khuyến khích cá nhân, tập thể phát triển hoạt động sáng tạo để tạo ra tài sản trí tuệ và chuyển giao quyền đối với các tài sản này cho các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp có nhu cầu.
9. Có trách nhiệm phối hợp và hỗ trợ Bộ phận Quản lý chung hoạt động sở hữu trí tuệ của Viện Hàn lâm trong việc:

- Phòng chống việc sử dụng không được phép quyền sở hữu trí tuệ của các chủ thể khác trong mọi mặt hoạt động thuộc phạm vi quản lý của mình. Trong trường hợp vi phạm, các đơn vị trên phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và chịu mọi thiệt hại có thể phát sinh cho Viện Hàn lâm;
- Quán triệt Quy chế này cùng các quy định có liên quan đến toàn thể cán bộ công chức, viên chức và nhân viên thời vụ thuộc phạm vi quản lý của mình;
- Yêu cầu các cán bộ công chức, viên chức và nhân viên thời vụ trong phạm vi quản lý của mình tiến hành hoạt động ghi nhận các tài sản trí tuệ mới phát sinh trong phạm vi nhiệm vụ được Viện Hàn lâm giao, theo các thủ tục, biểu mẫu đã được ban hành và theo các hướng dẫn liên quan của Bộ phận quản lý chung hoạt động sở hữu trí tuệ.

Điều 17. Trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức và nhân viên thời vụ

1. Không sử dụng các quyền sở hữu trí tuệ của các chủ thể khác trong hoạt động của Viện Hàn lâm, nếu chưa được sự đồng ý của chủ sở hữu. Trong trường hợp vi phạm cán bộ, công chức, viên chức và nhân viên thời vụ phải tự chịu trách nhiệm trước pháp luật và gánh chịu mọi thiệt hại có thể phát sinh cho Viện Hàn lâm.
2. Ghi nhận kịp thời và đầy đủ về các tài sản trí tuệ mới phát sinh trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ được giao, theo các biểu mẫu tương ứng trong bộ mẫu khai thác tài sản trí tuệ. Tất cả các bản ghi nhận này được xem là thông tin mật của Viện Hàn lâm cho đến khi Bộ phận Quản lý chung hoạt động sở hữu trí tuệ thông báo bằng văn bản về việc có thể công bố hoặc tiết lộ.
3. Tuân thủ các điều kiện, phương thức, thời điểm tiết lộ hoặc công bố tài sản trí tuệ mới phát sinh theo thông báo bằng văn bản của Bộ phận Quản lý chung hoạt động sở hữu trí tuệ.
4. Thực hiện việc chuyển nhượng quyền đối với các tài sản trí tuệ do bản thân tạo ra hoặc tham gia tạo ra nhưng thuộc sở hữu của Viện Hàn lâm hoặc của các chủ thể khác theo quy định tại Quy chế này và theo các văn bản thỏa thuận khác.
5. Cung cấp cho Bộ phận Quản lý chung hoạt động sở hữu trí tuệ các thông tin, dữ liệu cần thiết nhằm xúc tiến các hồ sơ, thủ tục xác lập quyền và khai thác quyền đối với các tài sản trí tuệ do bản thân tạo ra hoặc tham gia tạo ra và thuộc quyền sở hữu của Viện Hàn lâm hoặc của chủ thể có liên quan.
6. Tuân thủ các quy tắc bảo mật về tài sản trí tuệ được quy định trong Quy chế này.
7. Trong trường hợp muốn công bố sớm kết quả nghiên cứu khoa học có liên quan đến tài sản trí tuệ của Viện Hàn lâm, các cán bộ, công chức, viên chức và nhân viên thời vụ phải được sự đồng ý của Viện Hàn lâm.

8. Đóng góp ý kiến, giúp Bộ phận Quản lý chung hoạt động tài sản trí tuệ nâng cao hiệu quả công tác xác lập, quản lý và khai thác tài sản trí tuệ.

Điều 18. Các quy tắc bảo mật tài sản trí tuệ

1. Khi có tài sản trí tuệ mới phát sinh được nhận diện, cán bộ, công chức, viên chức và nhân viên thời vụ liên quan tiến hành đánh dấu lên tài liệu bằng ký hiệu “THÔNG TIN KÍN” màu đỏ, đặt ở góc trên, bên phải của tài liệu. Tất cả các tài liệu này phải được lưu trong tập hồ sơ có đánh dấu “THÔNG TIN KÍN”.

2. Đối với các tài liệu đã được xử lý và xác nhận là thông tin mật của Viện Hàn lâm, Bộ phận Khai thác tài sản trí tuệ sẽ đóng dấu “MẬT” màu đỏ, đặt ở góc trên, bên phải của tài liệu.

3. Những thông tin mật của Viện Hàn lâm sẽ được đặt tại tủ hồ sơ của Viện Hàn lâm hoặc lưu trữ trên trang mạng đặt tên là “CONFIDENTIAL_tên tập tin”.

4. Các thông tin cần được cung cấp cho Bộ phận Quản lý chung hoạt động sở hữu trí tuệ bao gồm: Tên sáng chế; Tên tác giả; Mô tả sáng chế; Chủ thể cung cấp kinh phí; Ngày thể hiện sáng chế trên bản giấy hay bản điện tử; Ngày công bố hoặc giới thiệu về sáng chế (nếu có).

Điều 19. Tài chính cho hoạt động sở hữu trí tuệ

Viện Hàn lâm xây dựng kế hoạch tài chính hàng năm cho hoạt động sở hữu trí tuệ phù hợp với kế hoạch khoa học và công nghệ với nguồn tài chính bao gồm:

1. Nguồn kinh phí cấp từ ngân sách Nhà nước cho đơn vị thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

2. Vốn tài trợ, vốn vay từ quỹ phát triển khoa học và công nghệ, các tổ chức cá nhân trong và ngoài nước.

3. Vốn trích từ nguồn thu thực hiện hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, chuyển giao công nghệ, sản xuất kinh doanh với các tổ chức cá nhân trong và ngoài nước.

4. Hàng năm Viện Hàn lâm trích một phần lợi nhuận sau thuế từ các tài sản trí tuệ được thương mại hóa để bảo đảm kinh phí cho kế hoạch quản lý tài sản trí tuệ và các hoạt động khác có liên quan của năm tiếp theo.

Điều 20. Giải quyết tranh chấp về sở hữu trí tuệ

1. Các tranh chấp về sở hữu trí tuệ được khuyến khích giải quyết bằng hòa giải.

2. Bộ phận Quản lý chung hoạt động sở hữu trí tuệ là đầu mối tổ chức hòa giải các tranh chấp về sở hữu trí tuệ.

3. Trong trường hợp hòa giải không thành, Bộ phận Quản lý chung hoạt động sở hữu trí tuệ đề xuất cho Thủ trưởng đơn vị hướng xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 21. Các điều khoản thi hành

1. Mọi cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên thời vụ của Viện Hàn lâm phải được biết về các quy định liên quan trong Quy chế này trước khi ký hợp đồng, thỏa thuận, hợp tác với Viện Hàn lâm.
2. Bộ phận Quản lý chung tài sản trí tuệ có trách nhiệm triển khai phương án tập hợp và ghi nhận lại tất cả các tài sản trí tuệ thuộc quyền sở hữu hoặc đồng sở hữu của Viện Hàn lâm đã hình thành từ trước ngày Quy chế có hiệu lực.
3. Các tranh chấp về sở hữu trí tuệ trong nội bộ được ưu tiên xử lý theo tinh thần thỏa thuận, hòa giải. Nếu chưa giải quyết được sẽ áp dụng theo các trình tự, thủ tục pháp lý có liên quan hiện hành.
4. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành và thay thế các văn bản trước đây có nội dung liên quan. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh hoặc khó khăn vướng mắc Lãnh đạo Viện sẽ xem xét sửa đổi, bổ sung./.